

# QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TA VỀ “BỒI DƯỠNG, ĐÀO TẠO VÀ TÔN VINH CÁC DOANH NHÂN CÓ TÀI, CÓ ĐỨC VÀ THÀNH ĐẠT”

VŨ VĂN PHÚC (\*)

*Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng ta đã đưa ra và khẳng định quan điểm “bồi dưỡng, đào tạo và tôn vinh các doanh nhân có tài, có đức và thành đạt”. Trong bài viết này, khi tập trung luận giải sự đúng đắn và tính khả thi trong quan điểm đó của Đảng ta, tác giả đã khẳng định: Quan điểm đúng đắn này của Đảng không chỉ là sự giải phóng về mặt tư tưởng cho đội ngũ doanh nhân Việt Nam hiện nay, mà trên thực tế, còn tạo điều kiện cho họ phát triển về đội ngũ, trưởng thành về năng lực, thực sự đảm đương vai trò tiên phong trong phát triển kinh tế, tạo động lực và điều hành nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang tạo dựng.*

Cử tịch Hồ Chí Minh đã nói: “*Cán bộ là cái gốc của mọi công việc*”. “*Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém*”. Tính chân lý trong những câu nói đó không chỉ đúng trong cuộc cách mạng chính trị, mà còn đúng trong sự nghiệp cách tân kinh tế. Thực tế phát triển kinh tế hiện nay ở các nước đã chứng tỏ rằng, doanh nhân là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của các doanh nghiệp, của nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, ở nước ta, cho đến gần đây, tầm quan trọng của giới doanh nhân mới được thừa nhận. Dấu ấn cho sự thừa nhận này là năm 2005, Nhà nước ta đã ra quyết định lấy ngày 13 – 10 hàng năm là Ngày Doanh nhân Việt Nam. Mới đây, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng ta đã khẳng định chủ trương “thực hiện Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp. Xây dựng một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam nhiều về số lượng, có sức cạnh tranh cao, có thương hiệu uy tín, trong đó chủ lực là một số tập đoàn kinh tế lớn dựa trên hình thức cổ phần. Nhà nước định hướng, tạo môi trường để phát triển có hiệu quả các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường; bồi dưỡng, đào tạo và tôn vinh các doanh nhân có tài, có đức và thành đạt”(1).

Để thấy rõ tầm quan trọng của tư tưởng coi trọng doanh nghiệp đa thành phần, coi trọng giới doanh nhân và tính đúng đắn của quyết định cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân, chúng ta hãy lùi lại lịch sử để đánh giá và xem xét.

Trong nền kinh tế thị trường, chúng ta đều thừa nhận hệ thống doanh nghiệp và đội ngũ lãnh đạo, quản lý hệ thống đó – giới doanh nhân – đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế quốc dân. Trên thực tế, cùng với Nhà nước và người lao động, giới doanh nhân Việt Nam đã trở thành nhân tố quyết định sự thành bại của các doanh nghiệp. Song, trong quá khứ, chúng ta đã coi nhẹ vai trò của tầng lớp này trong đời sống xã hội. Do vậy, giới doanh nhân Việt Nam đã gặp quá nhiều khó khăn trong quá trình hình thành và phát triển đội ngũ. Đó là sự thực. Những nguyên nhân dẫn đến hiện thực này là:

*Thứ nhất*, do lịch sử quy định, cho đến những năm đầu thế kỷ XXI, nền kinh tế Việt Nam vẫn còn nằm trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu so với trình độ chung

(\*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2006, tr.84.

của thế giới. Không chỉ thế, do những hoàn cảnh lịch sử nhất định, trong quá khứ, Việt Nam chưa bao giờ có nền kinh tế hàng hoá thật sự phát triển. Những năm sau khi giành được độc lập, do nóng vội tả khuynh, chúng ta đã hầu như gạt bỏ hết những yếu tố mạnh mẽ yếu ớt của sản xuất hàng hoá, của kinh tế thị trường. Nếu nhìn lại lịch sử xa hơn nữa, chúng ta càng thấy rõ người Việt Nam không có truyền thống kinh doanh. Đạo Nho mà những ông đồ truyền cho tầng lớp có học thức nhất trong xã hội ta dưới thời phong kiến là học để làm quan giúp nước. Không có ông đồ nào và không có ai dạy học trò nghề kinh doanh, buôn bán. Xã hội Việt Nam khi đó thường truyền tụng câu ngạn ngữ: “Nhất sĩ, nhì nông, tam công, tứ thương”. Nghề kinh doanh, buôn bán được xếp vào tầng lớp thấp trong xã hội, được coi là giới “con buôn” theo nghĩa khinh bỉ, là hạng tiểu nhân tham tiền. Do đó, giới doanh nhân Việt Nam có điểm yếu là không có nguồn gốc phát sinh, phát triển bền vững, lâu dài cùng với tiến trình lịch sử của dân tộc.

*Thứ hai*, trong thời kỳ đổi mới, nước ta mới từng bước xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từ những yếu tố đầu tiên, như cho người sản xuất quyền tự do trao đổi sản phẩm dưới hình thái hàng hoá, xây dựng đồng tiền làm đủ các chức năng của nó, cho phép doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh và tìm kiếm lợi nhuận; cho phép giao lưu hàng hoá và làm ăn, buôn bán với nước ngoài, v.v.. Quá trình đổi mới theo định hướng trên đã đem lại cho đất nước ta nhiều thành tựu to lớn không chỉ về kinh tế, mà còn về cả chính trị, tư tưởng và ngoại giao. Trong bối cảnh đó, giới doanh nhân Việt Nam đã từng bước hình thành và phát triển. Đã có nhiều doanh nghiệp Việt Nam thành công trong kinh doanh trong nước và ở nước ngoài. Giới kinh doanh người Việt Nam đã tăng nhanh về số lượng và tích lũy được nguồn vốn tương đối

nhiều trong 20 năm thử sức trên thương trường. Tuy nhiên, một số doanh nhân Việt Nam dường như vẫn chưa thật sự tận tâm, tận lực cho công cuộc phát triển nền kinh tế quốc dân. Dấu đó vẫn còn tâm lý e ngại, chưa muốn bỏ vốn ra kinh doanh, hoặc có bỏ vốn kinh doanh thì cũng cầm chừng, trong khi vốn tích trữ dưới dạng bất động sản, vàng bạc, tiền gửi trong ngân hàng không phải là nhỏ. Nguy hiểm hơn nữa là, có những thời kỳ, vốn trong ngân hàng cũng không cho vay được vì thiếu người đi vay biết cách làm ăn, cũng như thiếu dự án hiệu quả. Phải chăng người Việt Nam không có khả năng, không có sự ham mê kinh doanh? Những cuộc phỏng vấn được tiến hành đối với giới trẻ, nhất là sinh viên Việt Nam trong những năm gần đây không đưa lại câu trả lời đồng tình với quan điểm đó. Hơn nữa, người Việt Nam ở nước ngoài rất ham muốn kinh doanh và cũng đã có nhiều người thành đạt. Người Việt Nam ở trong nước cũng đang có xu hướng lựa chọn nghề kinh doanh (kết quả điều tra của dự án “Nhận thức và thái độ của dân cư đối với thị trường và kinh doanh” do Khoa Quản lý kinh tế, Ban nghiên cứu Thủ tướng Chính phủ và Quỹ Ford tiến hành đã chứng minh rằng, người Việt Nam có khả năng và thích kinh doanh). Trước đây, ở nước ta cũng đã có nhiều doanh nhân nổi danh, như Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Vũ,...

Vậy, nguyên nhân nào làm cho đa số người Việt Nam vẫn đứng ngoài kinh doanh và sử dụng vốn đã tích lũy được không bằng phương thức kinh doanh. Theo chúng tôi, nguyên nhân chính vẫn là ở chỗ, giới doanh nhân Việt Nam vẫn chưa nhận được sự cổ vũ xứng đáng của Đảng và Nhà nước ta. Để chứng minh cho nhận định này, chúng ta phải xem xét lại một cách có hệ thống quan điểm của Đảng và Nhà nước ta đối với giới doanh nhân Việt Nam.

Cho đến nay, giới doanh nhân, nhất là những người kinh doanh tư nhân, vẫn còn mang tâm lý e ngại đối với quá khứ cải tạo

trước kia. Bởi lẽ, do nhận thức sai lầm về tính chất mở đường, tiên tiến của quan hệ sản xuất mới, nên Đảng và Nhà nước ta đã quá nóng vội trong tiến trình cải tạo thành phần kinh tế tư nhân để xây dựng nền kinh tế thuần công hữu. Chính vì thế, sau những năm kháng chiến gian khổ để giành độc lập, mặc dù nhiều doanh nhân yêu nước đã ủng hộ kháng chiến, nhưng Đảng và Nhà nước ta vẫn không dung dưỡng giới doanh nhân (doanh nhân ở đây, theo chúng tôi là những người kinh doanh theo cơ chế thị trường nhằm mục đích làm giàu). Chúng ta đã liệt họ vào thành phần tư sản, vào tầng lớp phú nông cần phải cải tạo. Con cái họ sau này, ngay cả khi bố mẹ không còn kinh doanh, không còn của cải gì đáng kể, thậm chí cả con cái của những người buôn bán nhỏ cũng bị liệt vào thành phần tiểu tư sản không đáng tin tưởng, bị phân biệt đối xử trong học hành, trong công việc, trong thăng tiến. Đặc biệt, hiếm khi chúng ta kết nạp người có thành phần xuất thân là giai cấp tư sản vào Đảng, nếu như họ không tuyên thệ từ bỏ giai cấp mình. Với những chính sách như vậy, giới doanh nhân của chúng ta, người thì di tản đi nước ngoài, người thì bỏ nghề, con cái họ cũng không kế nghiệp cha mẹ. Hậu quả là, khi chúng ta bắt đầu đổi mới, ở nước ta có rất ít người hiểu biết về kinh doanh và ai cũng e ngại kinh doanh không phải vì sợ rủi ro, mà sợ bị cải tạo như trong quá khứ thì con cái "hết đường sống". Người Việt Nam vốn sống vì con cái rất nhiều, nên ai cũng muốn làm công chức nhà nước cho "chắc chắn". Theo quan điểm của nhiều người, đời sống công chức ổn định, an toàn và còn để lại đức, lộc cho con cháu sau này (theo kết quả điều tra của dự án mà chúng tôi đã nêu trên, thì có đến 98% người Hà Nội được hỏi muốn con cháu họ kiếm được một công việc làm trong cơ quan nhà nước).

*Thứ ba*, khi nước ta bắt đầu xây dựng nền kinh tế thị trường, thì nhiều nước trên thế giới đã có nền kinh tế thị trường hiện

đại, có giới doanh nhân tài giỏi, có hệ thống doanh nghiệp hùng mạnh, có nhu cầu sử dụng thị trường của tất cả các nước trên thế giới làm môi trường hoạt động tự do của họ. Để tranh thủ cơ hội phát triển kinh tế, Việt Nam phải mở cửa thị trường, phải hội nhập, phải tranh thủ vốn đầu tư nước ngoài. Những chính sách đúng đắn đó đã giúp nước ta tăng trưởng nhanh trong hơn hai thập niên qua, giúp nước ta thoát ra khỏi khủng hoảng vào những năm 80 của thế kỷ XX, giúp thay đổi bộ mặt kinh tế của đất nước và cải thiện đời sống của nhân dân. Nhưng, xét về phía doanh nhân Việt Nam, thì làn sóng đầu tư nước ngoài và xu hướng hội nhập nhanh trong những năm qua đã làm cho quá trình phát triển của họ càng thêm gian nan. Họ không những phải cạnh tranh ở tư thế quá bất lợi và thua thiệt so với giới doanh nhân nước ngoài, mà còn bị phân biệt đối xử bằng trăm nghìn cách khác nhau. Chẳng hạn, bị giới doanh nhân nước ngoài phong toả thị trường theo các luật chơi có lợi cho doanh nhân của nước phát triển, bị các hiệp hội doanh nhân nước ngoài và quốc tế chèn ép.... Ngoài ra, do không có mối quan hệ truyền thống với các đối tác ở các nước tư bản chủ nghĩa, không có thị phần, không có khách hàng quen, không có tiềm lực tài chính mạnh, không có kinh nghiệm kinh doanh, không có sự liên kết với nhau bằng các hiệp hội đủ mạnh..., nên doanh nhân Việt Nam rất yếu thế trên thị trường nước ngoài. Trong khi đó thì thị trường trong nước vẫn còn ở tình trạng sơ khai, dung lượng thị trường cho các sản phẩm truyền thống của Việt Nam không lớn... Ở thị trường nước ngoài, doanh nhân Việt Nam bị phân biệt đối xử đã đành; ở trong nước, họ cũng bị phân biệt đối xử rất tinh tế, khó nhận biết. Chẳng hạn, các khu công nghiệp không cấm doanh nghiệp trong nước thuê đất, nhưng với số tiền vốn quá nhỏ, nếu thuê đất trong khu công nghiệp

thì các doanh nghiệp của tư nhân trong nước hoặc không đủ sức thuê, hoặc có thuê được thì cũng không còn vốn kinh doanh. Chế độ thuê đất, chế độ sử dụng đất ở của nước ta trong những năm qua có quá nhiều thay đổi và bất hợp lý đến nỗi doanh nhân trong nước kinh doanh bất động sản theo kiểu đầu cơ thì lãi to, còn dùng đất để kinh doanh sản xuất thì không chịu được chi phí. Các doanh nghiệp thuộc sở hữu tư nhân thường rất khó tiếp cận tín dụng chính thức giá rẻ do mức tín nhiệm thấp. Việc cải thiện mức tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nước ta là cả một quá trình lâu dài, bản thân giới doanh nhân trong nước không thể hoá giải được nếu không có sự trợ giúp của Nhà nước...

Vì những lý do trên nên doanh nhân Việt Nam, sau 20 năm đổi mới vẫn yếu ớt, chưa đủ sức đảm đương sự nghiệp phát triển kinh tế. Để bù lại sự yếu ớt của doanh nghiệp tư nhân, Nhà nước ta đang phải đầu tư và quản lý các doanh nghiệp lớn. Những năm gần đây, doanh nghiệp nhà nước vẫn chiếm gần 40% GDP, đầu tư của Nhà nước thường lớn hơn 30% tổng đầu tư xã hội. Song, doanh nghiệp và đầu tư nhà nước hiện đang gặp phải vấn đề hiệu quả thấp. Do đó, phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân, mà tiền đề là xây dựng và ủng hộ giới doanh nhân, là việc làm cấp thiết.

Trong bối cảnh như thế, quan điểm coi trọng việc bồi dưỡng, đào tạo và tôn vinh các doanh nhân có tài, có đức, thành đạt, kể cả việc cho phép đảng viên được làm kinh tế tư nhân mà Đại hội X của Đảng đã đưa ra chính là sự giải phóng về mặt tư tưởng cho giới doanh nhân. Đó là chúng ta còn chưa nói đến vấn đề Nhà nước hỗ trợ để doanh nhân phát triển, chỉ cần Đảng và Nhà nước thừa nhận doanh nhân là tầng lớp lao động đáng được kính trọng trong kết cấu xã hội mang tính xã hội chủ nghĩa của nước ta đã là một sự giải toả vô cùng quan trọng. Hãy nhớ lại, những năm 80, 90 của thế kỷ XX, chỉ cần Đảng và Nhà nước

có chính sách cho phép dân được tự do làm kinh tế để mưu sinh, không cần ngồi chờ lệnh của Nhà nước, thì nền kinh tế đã hồi sinh và phát triển như thế nào. Cũng như vậy, với quan điểm tự do kinh doanh, doanh nghiệp được làm những gì luật pháp không cấm, không phải xin phép Nhà nước, số doanh nghiệp mới thành lập trong 3 năm 2001 – 2003 đã vượt quá số doanh nghiệp thành lập trong 10 năm trước đó. Quan điểm không những thừa nhận, mà còn tôn vinh doanh nhân trong thang bậc giá trị xã hội cũng được đánh giá như một sự giải phóng về mặt tư tưởng, tinh thần và đạo đức xã hội cho giới doanh nhân, khuyến khích người dân Việt Nam dấn thân vào con đường kinh doanh đầy khó khăn, gian khổ, rủi ro. Giờ đây, doanh nhân đã có thể vững tin khi được thừa nhận là một bộ phận không những hợp pháp, mà còn là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (đồng nghĩa với việc không bị cải tạo khi Việt Nam xây dựng xong nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa). Hơn nữa, doanh nhân còn được thừa nhận là những người "tạo điều kiện phát huy tiềm năng và vai trò tích cực trong phát triển sản xuất kinh doanh; mở rộng đầu tư trong nước và ở nước ngoài; giải quyết việc làm cho người lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm; tạo dựng và giữ gìn thương hiệu hàng hoá Việt Nam"(2) và vì thế, họ xứng đáng được "bồi dưỡng, đào tạo và tôn vinh".

Xét về phía quyền lợi của doanh nhân, có thể coi quan điểm này của Đảng ta là một cuộc cách mạng trong chính sách giai cấp và tầng lớp xã hội của Đảng. Cuộc cách mạng này đạt tới đỉnh cao trong quyết định của Đảng cho phép đảng viên được làm kinh tế tư nhân. Về mặt lý luận, vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân và việc giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng còn phải được tiếp tục nghiên cứu.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr.119.

tranh luận. Nhưng, về thực tiễn, quyết định này của Đại hội X là hết sức sáng suốt. Bởi lẽ, kinh doanh là một nghề, doanh nhân là những người lao động, kể cả doanh nhân kinh doanh dưới hình thức bỏ vốn kinh doanh. Hơn nữa, nghề kinh doanh đòi hỏi ở con người không chỉ tri thức khoa học, kỹ năng, nghiệp vụ thành thạo, mà cả ý chí, nghị lực và đạo đức trong kinh doanh. Doanh nhân chân chính là những người biết cách làm giàu chính đáng, đúng luật và giữ uy tín với khách hàng. Do đó, doanh nhân không đồng nghĩa với bóc lột, họ thuộc tầng lớp người lao động. Tuy nhiên, doanh nhân hoạt động dựa trên động lực là làm giàu, làm giàu bằng lao động, bằng vốn, bằng sử dụng hiệu quả nguồn tài sản của doanh nghiệp. Nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải tôn trọng động lực đó của giới doanh nhân và doanh nghiệp. Do đó, sự giàu có một cách chính đáng phải được xã hội tôn vinh chứ không nên khinh bỉ và quy cho họ là người bóc lột. Đây là một điểm mốc nữa về mặt quan điểm mà Đại hội X của Đảng đã dùng cảm vượt qua.

Cả thực tiễn và lý luận phát triển kinh tế đều cho thấy rằng, mô hình kinh tế thị trường là mô hình cho phép giải quyết tốt nhất mối quan hệ giữa phân công lao động ngày càng chuyên môn hoá sâu không chỉ ở phạm vi quốc gia, mà còn mở rộng ra phạm vi thế giới, với tính tổ chức cao và quyền tự do sáng tạo của con người. Đương nhiên, kinh tế thị trường cũng không hoàn hảo, nên cần có cơ chế quản lý bổ sung của nhà nước. Trong nền kinh tế thị trường, động cơ hành động của giới doanh nhân là làm cho giá trị tài sản gia tăng. Bản thân hành động hướng tới tối đa hoá giá trị gia tăng của tài sản không mang ý nghĩa bóc lột. Vấn đề bóc lột nằm trong khâu phân phối và sử dụng khối giá trị gia tăng của xã hội. Điều tiết để cho việc phân phối và sử dụng chúng mang tính xã hội chủ nghĩa là công việc mà Nhà nước xã hội chủ nghĩa có thể

làm được. Vấn đề là ở chỗ, chúng ta không nên triệt tiêu điều kiện thực hiện tối đa hoá giá trị gia tăng của giới doanh nhân, mà nên tạo ra những quy định pháp lý để các hành vi hướng tới lợi nhuận của doanh nhân phù hợp với các chuẩn mực đạo đức mà chế độ xã hội chủ nghĩa đòi hỏi. Như vậy, doanh nhân không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là một bộ phận cấu thành của chủ nghĩa xã hội. Chính vì thế, chúng ta càng hiểu ý nghĩa sâu xa hơn của quan điểm: "Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương"(3). Đảng viên làm kinh tế tư nhân không phải là người xa rời lý tưởng của Đảng, mà chính là lực lượng tiên phong đem lý tưởng của Đảng cảm hoá giới doanh nhân bằng chính tấm gương thành công, trong khi vẫn chấp hành pháp luật, chính sách và nghĩa vụ đảng viên. Vấn đề quan trọng không phải là ở chỗ, đảng viên làm kinh tế tư nhân sẽ xa rời lý tưởng của Đảng hoặc làm biến chất bản chất giai cấp công nhân của Đảng, mà Đảng và Nhà nước cần đề ra chính sách đúng và phù hợp với quy luật khách quan của kinh tế thị trường. Hơn nữa, trong công cuộc cách tân nền kinh tế, giới doanh nhân đang đảm đương vai trò tiên phong, tạo động lực và điều hành nền kinh tế. Do vậy, đảng viên càng cần phải tham gia vào đội ngũ đó để không những thực hiện vai trò tiên phong gương mẫu của mình, mà còn thông qua đó, thực thi sự lãnh đạo của Đảng.

Còn quá sớm để có thể đưa ra nhận định về kết quả thực tiễn của quan điểm phát triển đội ngũ doanh nhân mà Đảng ta đã đưa ra tại Đại hội X, song bằng cả tri thức, niềm tin lẫn kinh nghiệm lịch sử, chúng ta có thể tin rằng, những quan điểm này sẽ được thực tiễn ủng hộ và sớm đem lại thành công. □

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, 133.